



DISCLAIMER: THIS ENGLISH TRANSLATION IS PROVIDED FOR INFORMATION DISCLOSURE AND REFERENCE PURPOSES ONLY. IN THE EVENT OF ANY DISCREPANCY OR INCONSISTENCY BETWEEN THIS TRANSLATION AND THE ORIGINAL VIETNAMESE DOCUMENT, THE ORIGINAL VIETNAMESE VERSION SHALL PREVAIL

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation Limit by Business Performance	Allocation by Index		Allocated Shares by Index	Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
						Allocation Index by level	Allocation Index by individual balance				
				(a)	(x)	(y)	(z)	(b=x*y*z)	(c)	(d)	(a+b+c+d)
1	Vương Quang Khải	CP	Leadership	26,567	N/A	N/A	N/A				26,567
2	Nguyễn Lê Thành	CP	Leadership	17,112	N/A	N/A	N/A		3,000		20,112
3	Nguyễn Công Chính	Zalo	Leadership	14,017	N/A	N/A	N/A				14,017
4	Trương Thị Thanh	CP	Leadership	13,293	N/A	N/A	N/A				13,293
5	Nguyễn Khánh Trung	CP	Leadership	13,059	N/A	N/A	N/A				13,059
6	Nguyễn Minh Tú	Zalo	Leadership	10,988	N/A	N/A	N/A				10,988
7	Bùi Minh Phương	VNGG	Leadership	9,433	N/A	N/A	N/A				9,433
8	Lê Lan Chi	PY	Leadership	17,597	N/A	N/A	N/A				17,597
9	Lã Xuân Thắng	VNGG	Leadership	10,283	N/A	N/A	N/A				10,283
10	Trần Bá Khôi Nguyễn	PY	Leadership	12,438	N/A	N/A	N/A				12,438
11	Trần Xuân Ngọc Thảo	CP	Leadership	9,790	N/A	N/A	N/A				9,790
12	Vũ Thảo Di Cầm	VNGG	Leadership	8,633	N/A	N/A	N/A				8,633
13	Lê Thị Hồng Minh	VNGG	Leadership	8,633	N/A	N/A	N/A				8,633
14	Nguyễn Phi Hùng	VNGG	Leadership	7,700	N/A	N/A	N/A				7,700
15	Hoàng Quang Huy	Zalo	Leadership	7,507	N/A	N/A	N/A				7,507
16	Nguyễn Vũ Tiến	ZPS	Leadership	7,366	N/A	N/A	N/A				7,366
17	Lê Bá An Bình	Zalo	Leadership	5,587	N/A	N/A	N/A				5,587
18	Vũ Trọng Cường	Zalo	Leadership	6,860	N/A	N/A	N/A				6,860
19	Trần Văn Khánh Giang	CP	Leadership	3,614	N/A	N/A	N/A				3,614
20	Nguyễn Thành Danh	DC	Level 5		400	500%	108%	2,167			2,167
21	Nguyễn Văn Đức Trọng	VNGG	Level 5		750	600%	136%	6,099			6,099
22	Đặng Thanh Tùng	ZPS	Level 5		600	900%	132%	7,133			7,133
23	Trần Minh	ZPS	Level 5		600	900%	125%	6,766			6,766
24	Nguyễn Minh Toàn	ZPS	Level 5		600	900%	116%	6,260			6,260
25	Tôn Minh Sinh	ZPS	Level 5		600	900%	84%	4,534			4,534
26	Mai Văn Ninh	VNGG	Level 5		750	600%	109%	4,917			4,917
27	Ngô Thị Soa	VNGG	Level 4		750	400%	121%	3,634	2,000		5,634
28	Lê Bá Quốc Thịnh	Zalo	Level 4		900	380%	136%	4,666			4,666
29	Nguyễn Hữu Giáp	VRC	Level 5		800	450%	62%	2,233			2,233
30	Vũ Thanh Tùng	GreenNode	Level 5		650	500%	96%	3,133			3,133
31	Lê Đình Long	TSE	Level 5		400	700%	107%	2,988			2,988
32	Nguyễn Văn Thông	CP	Level 5		550	450%	82%	2,032			2,032
33	Đàm Thị Thúy	CP	Level 5		550	450%	79%	1,953			1,953
34	Nguyễn Trần Phương Ngọc	PY	Level 4		850	560%	133%	6,335			6,335
35	Chiêm Minh An	VNGG	Level 4		750	400%	139%	4,167			4,167
36	Lê Nguyễn Dũng	Zalo	Level 4		900	380%	119%	4,084			4,084
37	Đoàn Quốc Anh	Zalo	Level 4		900	380%	109%	3,733			3,733
38	Hồ Thị Thanh Tuyền	Zalo	Level 4		900	380%	106%	3,612			3,612
39	Ninh Đức Thêm	Zalo	Level 4		900	380%	100%	3,429			3,429
40	Trần Thị Bảo Vân	Zalo	Level 4		900	380%	98%	3,364			3,364
41	Nguyễn Ngọc Đồng Hải	VNGG	Level 4		750	400%	107%	3,200			3,200
42	Nguyễn Văn Hưng	PY	Level 4		850	560%	63%	3,022			3,022
43	Giang Vi Minh	VNGG	Level 4		750	400%	99%	2,967			2,967
44	Võ Đại Chuyển	GreenNode	Level 4		650	360%	126%	2,950			2,950
45	Hoàng Quốc Thịnh	VRC	Level 4		800	210%	114%	1,913			1,913
46	Lê Thị Kim Xuyên	Zalo	Level 4		900	380%	81%	2,775			2,775
47	Hoàng Anh	GreenNode	Level 4		650	360%	117%	2,734			2,734
48	Nguyễn Thùy Trang	Zalo	Level 4		900	380%	77%	2,632			2,632
49	Phạm Trung Hiếu	ZPS	Level 4		600	390%	104%	2,434			2,434
50	Nguyễn Trọng Văn	Zalo	Level 4		900	380%	67%	2,290			2,290
51	Nguyễn Ngọc Hiền	TSE	Level 4		400	500%	109%	2,170			2,170
52	Phạm Ngọc Thành	VRC	Level 4		800	210%	77%	1,301			1,301
53	Nguyễn Thị Mỹ Phương	VRC	Level 4		800	210%	69%	1,166			1,166
54	Trần Anh Nhân	GreenNode	Level 4		650	360%	61%	1,433			1,433
55	Phan Minh Huy	VNGG	Level 4		750	400%	47%	1,401			1,401
56	Thiều Quang Cảnh	VRC	Level 4		800	210%	35%	583			583
57	Nguyễn Văn Kỳ	DC	Level 4		400	170%	98%	667			667
58	Vương An Hải	VNGG	Level 3		750	280%	105%	2,200	1,500		3,700
59	Nguyễn Trường Duy	Zalo	Level 3		900	260%	155%	3,634			3,634
60	Lê Huỳnh Quang Khánh	Zalo	Level 3		900	260%	143%	3,350			3,350
61	Nguyễn Bá Đạt	VNGG	Level 3		750	280%	102%	2,134	1,200		3,334
62	Đào Quý Thái An	Zalo	Level 3		900	260%	142%	3,332			3,332
63	Nguyễn Viết Trung	Zalo	Level 3		900	260%	142%	3,316			3,316
64	Đỗ Hiếu Tâm	VNGG	Level 3		750	280%	100%	2,100	1,100		3,200
65	Trịnh Văn Kiên	Zalo	Level 3		900	260%	136%	3,181			3,181
66	Mai Trung Hiếu	VNGG	Level 3		750	280%	149%	3,133			3,133
67	Phạm Văn Thành	Zalo	Level 3		900	260%	124%	2,895			2,895
68	Lê Thị Ngọc Diễm	Zalo	Level 3		900	260%	117%	2,741			2,741
69	Nguyễn Đức Minh	ZPS	Level 3		600	260%	167%	2,601			2,601
70	Lê Văn Dũng	VNGG	Level 3		750	280%	115%	2,417			2,417
71	Đào Thị Quỳnh Chi	Zalo	Level 3		900	260%	99%	2,316			2,316
72	Nguyễn Hữu Thi	Zalo	Level 3		900	260%	94%	2,202			2,202
73	Nguyễn Minh Trí	VNGG	Level 3		750	280%	105%	2,201			2,201
74	Nguyễn Hoàng Tuấn	Zalo	Level 3		900	260%	93%	2,184			2,184
75	Nguyễn Trọng Nghĩa	VNGG	Level 3		750	280%	102%	2,143			2,143
76	Nguyễn Phong Nhã	PY	Level 3		850	190%	128%	2,073			2,073
77	Thang Mỹ Hà	PY	Level 3		850	190%	128%	2,068			2,068



ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation Limit by Business Performance	Allocation by Index		Allocated Shares by Index	Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
						Allocation Index by level	Allocation Index by individual balance				
78	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	CP	Level 3		550	230%	161%	2,042			2,042
79	Nguyễn Duy Anh	PY	Level 3		850	190%	123%	1,985			1,985
80	Bùi Thị Yến	ZPS	Level 3		600	260%	126%	1,967			1,967
81	Lưu Diệu Khánh	CP	Level 3		550	230%	154%	1,947			1,947
82	Võ Thị Thanh Thủy	PY	Level 3		850	190%	120%	1,936			1,936
83	Nguyễn Khánh Duy	Zalo	Level 3		900	260%	83%	1,934			1,934
84	Phan Huy Thiên Thư	ZPS	Level 3		600	260%	122%	1,901			1,901
85	Nguyễn Thị Liên Chi	PY	Level 3		850	190%	117%	1,883			1,883
86	Nguyễn Văn Toàn	Zalo	Level 3		900	260%	80%	1,865			1,865
87	Huỳnh Đăng Khoa	VNGG	Level 3		750	280%	87%	1,817			1,817
88	Đặng Quốc Bằng	PY	Level 3		850	190%	109%	1,753			1,753
89	Nguyễn Văn Thắng	PY	Level 3		850	190%	108%	1,749			1,749
90	Lê Thị Hải Hà	CP	Level 3		550	230%	134%	1,693			1,693
91	Nguyễn Quỳnh Trang	VNGG	Level 3		750	280%	80%	1,683			1,683
92	Phan Thị Hoài Thương	CP	Level 3		550	230%	128%	1,624			1,624
93	Bùi Nguyễn Tuyết Quỳnh	Zalo	Level 3		900	260%	69%	1,604			1,604
94	Trần Xương Vinh	PY	Level 3		850	190%	97%	1,564			1,564
95	Lê Tú Anh	VNGG	Level 3		750	280%	74%	1,560			1,560
96	Phạm Duy Luân	PY	Level 3		850	190%	95%	1,534			1,534
97	Nguyễn Anh Khoa	CP	Level 3		550	230%	113%	1,425			1,425
98	Tạ Nam Anh	VNGG	Level 3		750	280%	66%	1,384			1,384
99	Nguyễn Dương Phong	ZPS	Level 3		600	260%	88%	1,377			1,377
100	Nguyễn Phước Vĩnh	VRC	Level 3		800	140%	72%	801			801
101	Lê Thanh Tú	TSE	Level 3		400	300%	106%	1,275			1,275
102	Diễm Anh Thư	PY	Level 3		850	190%	78%	1,266			1,266
103	Vũ Ngọc Kiên	ZPS	Level 3		600	260%	79%	1,234			1,234
104	Nguyễn Trần Tuấn	CP	Level 3		550	230%	97%	1,225			1,225
105	Nguyễn Doãn Phú	GreenNode	Level 3		650	190%	99%	1,217			1,217
106	Dương Minh Đức	ZPS	Level 3		600	260%	78%	1,216			1,216
107	Trần Thị Cúc Linh	PY	Level 3		850	190%	73%	1,184			1,184
108	Hoàng Thị Thúy Hạnh	VNGG	Level 3		750	280%	54%	1,134			1,134
109	Võ Thành Nhân	VRC	Level 3		800	140%	48%	534			534
110	Trần Hoàng Lê	TSE	Level 2		400	100%	204%	814			814
111	Nguyễn Vũ Thành	CP	Level 3		550	230%	54%	683			683
112	Vương Chí Quang	CP	Level 3		550	230%	52%	659			659
113	Nguyễn Trường Sơn	Zalo	Level 2		900	100%	105%	948	1,300		2,248
114	Trần Minh Khánh	Zalo	Level 2		900	100%	102%	922	1,300		2,222
115	Dương Chí Tâm	VNGG	Level 2		750	70%	118%	617	1,600		2,217
116	Nguyễn Trọng Tài	Zalo	Level 2		900	100%	105%	949	1,200		2,149
117	Trần Thái Hòa	Zalo	Level 2		900	100%	102%	917	1,200		2,117
118	Nguyễn Như Hoàn	Zalo	Level 2		900	100%	98%	880	1,200		2,080
119	Nguyễn Triệu Luật	Zalo	Level 2		900	100%	104%	934	1,100		2,034
120	Phan Việt Nga	VNGG	Level 2		750	70%	115%	602	1,400		2,002
121	Thái Đặng Như Ngọc	Zalo	Level 2		900	100%	108%	968	1,000		1,968
122	Nguyễn Đăng Chiến	Zalo	Level 2		900	100%	104%	940	1,000		1,940
123	Nguyễn Trọng Nghĩa	VNGG	Level 2		750	70%	111%	584	1,300		1,884
124	Nguyễn Lưu Hoàng Anh	VNGG	Level 2		750	70%	98%	517	1,300		1,817
125	Dương Tử Huy	Zalo	Level 2		900	100%	100%	902	900		1,802
126	Nguyễn Thành Gô	Zalo	Level 2		900	100%	100%	902	900		1,802
127	Trần Hữu Lộc	VNGG	Level 2		750	70%	108%	566	1,200		1,766
128	Huỳnh Tấn Ngân	VRC	Level 2		800	100%	122%	974			974
129	Võ Huỳnh Anh Huy	PY	Level 2		850	100%	195%	1,659			1,659
130	Nguyễn Phát Tài	Zalo	Level 2		900	100%	182%	1,640			1,640
131	Nguyễn Thế Đức	VRC	Level 2		800	100%	126%	1,009			1,009
132	Đôn Thị Thúy Hằng	ZPS	Level 2		600	100%	111%	668	900		1,568
133	Lê Minh Quốc	Zalo	Level 2		900	100%	174%	1,564			1,564
134	Trần Lê Thiên Kim	VNGG	Level 2		750	70%	102%	534	1,000		1,534
135	Nguyễn Thành Quân	VNGG	Level 2		750	70%	102%	534	1,000		1,534
136	Nguyễn Thành Lộc	Zalo	Level 2		900	100%	170%	1,530			1,530
137	Hồ Dương	Zalo	Level 2		900	100%	169%	1,525			1,525
138	Đặng Vũ Hiệp	Zalo	Level 2		900	100%	167%	1,499			1,499
139	Trương Văn Hiếu	VNGG	Level 2		750	70%	105%	552	900		1,452
140	Lâm Quang Hiệp	PY	Level 2		850	100%	170%	1,448			1,448
141	Phan Ngọc Thu Trang	VNGG	Level 2		750	70%	102%	534	900		1,434
142	Võ Công Thành	PY	Level 2		850	100%	168%	1,425			1,425
143	Nguyễn Thế Vũ	PY	Level 2		850	100%	165%	1,403			1,403
144	Trương Kiến Tài	Zalo	Level 2		900	100%	156%	1,401			1,401
145	Võ Huỳnh Nam	Zalo	Level 2		900	100%	155%	1,398			1,398
146	Trần Thoại Thông	Zalo	Level 2		900	100%	155%	1,398			1,398
147	Phan Văn Anh Huy	PY	Level 2		850	100%	164%	1,393			1,393
148	Phạm Quốc Dương	ZPS	Level 2		600	100%	111%	668	700		1,368
149	Vũ Thành Long	PY	Level 2		850	100%	160%	1,358			1,358
150	Đoàn Hữu Vĩnh Lộc	VNGG	Level 2		750	70%	103%	540	800		1,340
151	Nguyễn Quang Uy	GreenNode	Level 2		650	100%	97%	633	700		1,333
152	Huỳnh Lê Anh Quốc	PY	Level 2		850	100%	155%	1,320			1,320
153	Nguyễn Long Bách Hải	Zalo	Level 2		900	100%	146%	1,317			1,317
154	Nguyễn Thanh Lộc	Zalo	Level 2		900	100%	146%	1,314			1,314
155	Nguyễn Minh Hải	Zalo	Level 2		900	100%	143%	1,288			1,288
156	Phú Thị Ngọc Bích	Zalo	Level 2		900	100%	141%	1,269			1,269
157	Trương Tấn Ngọc	Zalo	Level 2		900	100%	140%	1,264			1,264
158	Dương Phương Trúc	Zalo	Level 2		900	100%	140%	1,260			1,260

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation by Index				Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
					Allocation Limit by Business Performance	Allocation Index by level	Allocation index by individual balance	Allocated Shares by Index			
159	Nguyễn Thành Trung	Zalo	Level 2		900	100%	138%	1,244			1,244
160	Nguyễn Thị Xuân Tiên	CP	Level 2		550	100%	97%	534	700		1,234
161	Nguyễn Minh Hùng	Zalo	Level 2		900	100%	135%	1,212			1,212
162	Văn Hoàng Phương	Zalo	Level 2		900	100%	134%	1,205			1,205
163	Dư Thị Anh Đào	CP	Level 2		550	100%	105%	580	600		1,180
164	Vũ Mạnh Hùng	ZPS	Level 2		600	100%	195%	1,167			1,167
165	Nguyễn Quang Diệu	Zalo	Level 2		900	100%	129%	1,157			1,157
166	Nguyễn Đăng Khoa	ZPS	Level 2		600	100%	192%	1,150			1,150
167	Huỳnh Nguyễn Châu Tâm	CP	Level 2		550	100%	110%	605	500		1,105
168	Nguyễn Thị Thanh Thảo	PY	Level 2		850	100%	130%	1,103			1,103
169	Bùi Thanh Sơn	ZPS	Level 2		600	100%	183%	1,100			1,100
170	Nguyễn Thành Kỳ	VNGG	Level 2		750	70%	203%	1,067			1,067
171	Nguyễn Thảo My	PY	Level 2		850	100%	124%	1,054			1,054
172	Nguyễn Quốc Công	VNGG	Level 2		750	70%	197%	1,034			1,034
173	Đặng Thị Anh Thư	GreenNode	Level 2		650	100%	159%	1,033			1,033
174	Nguyễn Đình Niên	ZPS	Level 2		600	100%	170%	1,018			1,018
175	Huỳnh Kim Hoàn	Zalo	Level 2		900	100%	111%	1,000			1,000
176	Đỗ Thành Trung	PY	Level 2		850	100%	117%	992			992
177	Nguyễn Sơn Tùng	Zalo	Level 2		900	100%	109%	983			983
178	Nguyễn Phú Quý	PY	Level 2		850	100%	116%	982			982
179	Trần Minh Thủy	CP	Level 2		550	100%	177%	974			974
180	Nguyễn Đào Cẩm Phượng	PY	Level 2		850	100%	114%	967			967
181	Bùi Nguyễn Sơn Hà	Zalo	Level 2		900	100%	106%	953			953
182	Đỗ Quốc Thái	PY	Level 2		850	100%	112%	953			953
183	Nguyễn Thành Quang	VNGG	Level 2		750	70%	181%	950			950
184	Hà Văn Khang	GreenNode	Level 2		650	100%	144%	936			936
185	Đỗ Huy Cường	VNGG	Level 2		750	70%	178%	934			934
186	Nguyễn Đình Luyện	Zalo	Level 2		900	100%	102%	917			917
187	Nguyễn Tiến Dưỡng	VNGG	Level 2		750	70%	173%	910			910
188	Trần Thanh Hải	PY	Level 2		850	100%	106%	900			900
189	Nguyễn Văn Hòa	VRC	Level 2		800	100%	58%	466			466
190	Lê Mạnh Hưng	VRC	Level 2		800	100%	67%	533			533
191	Nguyễn Huy Vũ	INCT	Level 2		650	100%	137%	890			890
192	Đặng Bá Quang Huy	PY	Level 2		850	100%	104%	884			884
193	Nguyễn Quốc Bảo	VNGG	Level 2		750	70%	168%	883			883
194	Trần Gia Hưng	CP	Level 2		550	100%	159%	874			874
195	Nguyễn Thị Thanh Dung	CP	Level 2		550	100%	158%	867			867
196	Lê Ngọc Bích Trâm	VNGG	Level 2		750	70%	165%	867			867
197	Phạm Tuấn	GreenNode	Level 2		650	100%	133%	866			866
198	Vũ Văn Ngọc	GreenNode	Level 2		650	100%	133%	866			866
199	Nguyễn Trung	GreenNode	Level 2		650	100%	131%	853			853
200	Đinh Đức Cường	ZPS	Level 2		600	100%	136%	818			818
201	Đoàn Quốc Trường	Zalo	Level 2		900	100%	90%	806			806
202	Trần Thiên Tính	Zalo	Level 2		900	100%	90%	806			806
203	Lê Nguyễn Anh Khuê	Zalo	Level 2		900	100%	89%	803			803
204	Nguyễn Duy Vũ	GreenNode	Level 2		650	100%	123%	801			801
205	Đặng Thanh Nhã	GreenNode	Level 2		650	100%	123%	799			799
206	Phạm Đức Lộc	Zalo	Level 2		900	100%	86%	777			777
207	Trần Kim Thành	GreenNode	Level 2		650	100%	118%	767			767
208	Nguyễn Thanh Tâm	GreenNode	Level 2		650	100%	118%	767			767
209	Nguyễn Ninh Nguyên	GreenNode	Level 2		650	100%	118%	767			767
210	Hoàng Nguyễn Bảo Anh	Zalo	Level 2		900	100%	84%	752			752
211	Nguyễn Quang Lâm	ZPS	Level 2		600	100%	122%	734			734
212	Nguyễn Thị Nhân	ZPS	Level 2		600	100%	122%	733			733
213	Lê Duy	ZPS	Level 2		600	100%	120%	718			718
214	Đinh Ngọc Quang	ZPS	Level 2		600	100%	120%	717			717
215	Ngô Vi Hải Long	VNGG	Level 2		750	70%	136%	714			714
216	Nguyễn Thị Phương Thảo	ZPS	Level 2		600	100%	117%	700			700
217	Nguyễn Hữu Phan Hoàng Hồ	GreenNode	Level 2		650	100%	108%	700			700
218	Đoàn Nguyễn Minh Tuệ	VNGG	Level 2		750	70%	133%	700			700
219	Trần Tuấn Anh	PY	Level 2		850	100%	81%	691			691
220	Mai Cẩm Thi	CP	Level 2		550	100%	122%	672			672
221	Đoàn Nguyễn Chương	GreenNode	Level 2		650	100%	103%	667			667
222	Đào Ngọc Quý	PY	Level 2		850	100%	78%	659			659
223	Hoàng Thị Huệ	CP	Level 2		550	100%	120%	658			658
224	Nguyễn Thị Kim Thu	Zalo	Level 2		900	100%	71%	635			635
225	Đặng Văn Linh	ZPS	Level 2		600	100%	106%	633			633
226	Nguyễn Cảnh Hưng	Zalo	Level 2		900	100%	70%	633			633
227	Nguyễn Anh Tuấn	ZPS	Level 2		600	100%	102%	610			610
228	Vũ Đức Minh	ZPS	Level 2		600	100%	100%	600			600
229	Nguyễn Thu Trang	VNGG	Level 2		750	70%	114%	600			600
230	Trần Tuấn An	VNGG	Level 2		750	70%	114%	600			600
231	Ngô Chí Dũng	CP	Level 2		550	100%	102%	563			563
232	Dương Quốc Anh	PY	Level 2		850	100%	66%	563			563
233	Nguyễn Anh Tuấn	ZPS	Level 2		600	100%	92%	550			550
234	Trần Thị Việt Hà	Zalo	Level 2		900	100%	61%	548			548
235	Nguyễn Thị Huệ	CP	Level 2		550	100%	99%	547			547
236	Trần Đức Trung	PY	Level 2		850	100%	62%	524			524
237	Phạm Tuấn Vũ	Zalo	Level 2		900	100%	57%	517			517
238	Nguyễn Thanh Trúc	Zalo	Level 2		900	100%	56%	500			500
239	Nguyễn Hiền Thảo	Zalo	Level 2		900	100%	55%	493			493

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation by Index				Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
					Allocation Limit by Business Performance	Allocation Index by level	Allocation index by individual balance	Allocated Shares by Index			
240	Nguyễn Hồng Hải	TSE	Level 2		400	100%	121%	485			485
241	Phạm Minh Tuấn	TSE	Level 2		400	100%	117%	467			467
242	Nguyễn Thị Kiều Nhanh	GreenNode	Level 2		650	100%	72%	466			466
243	Vũ Nguyễn Kha	VNGG	Level 2		750	70%	86%	451			451
244	Hoàng Văn Kiên	ZPS	Level 2		600	100%	72%	434			434
245	Nguyễn Hữu Trí	DC	Level 2		400	100%	109%	434			434
246	Lê Văn Dũ	VNGG	Level 2		750	70%	82%	433			433
247	Nguyễn Trâm Anh	CP	Level 2		550	100%	76%	418			418
248	Trần Thế Hưng	VNGG	Level 2		750	70%	76%	400			400
249	Trần Hoàng Anh	Zalo	Level 2		900	100%	43%	390			390
250	Ngô Tùng Bách	PY	Level 2		850	100%	46%	390			390
251	Nguyễn Đăng Quang	VNGG	Level 2		750	70%	73%	383			383
252	Trương Hải Yến	PY	Level 2		850	100%	45%	380			380
253	Võ Toàn Thuận	ZPS	Level 2		600	100%	62%	374			374
254	Lương Thành Tài	DC	Level 2		400	100%	92%	366			366
255	Bùi Hồng Phát	VNGG	Level 2		750	70%	67%	350			350
256	Hoàng Thị Hằng	GreenNode	Level 2		650	100%	50%	327			327
257	Nguyễn Trần Sơn	VNGG	Level 2		750	70%	101%	532	1,000		1,532
258	Ninh Thị Ngọc	VNGG	Level 2		750	70%	99%	519	700		1,219
259	Nguyễn Hạnh Linh	VNGG	Level 2		750	70%	210%	1,100			1,100
260	Nguyễn Trường Quân	VNGG	Level 2		750	70%	190%	1,000			1,000
261	Phu Mỹ Lê	Zalo	Level 2		900	100%	107%	961			961
262	Nguyễn Hoàng Khánh Duy	Zalo	Level 2		900	100%	104%	933			933
263	Lê Trần Tú My	VNGG	Level 2		750	70%	171%	900			900
264	Nguyễn Phú Cường	VNGG	Level 2		750	70%	159%	834			834
265	Trần Nhựt Thanh	TSE	Level 2		400	100%	208%	833			833
266	Võ Tiến Thiệu	VNGG	Level 2		750	70%	159%	833			833
267	Phạm Nguyễn Thu Nguyên	VRC	Level 2		800	100%	50%	400			400
268	Lý Thị Thu Hương	VNGG	Level 2		750	70%	143%	750			750
269	Hồ Thị Thanh Nhã	CP	Level 2		550	100%	136%	748			748
270	Phạm Ngọc Quyền	Zalo	Level 2		900	100%	83%	747			747
271	Lâm A Tắc	VNGG	Level 2		750	70%	140%	733			733
272	Phạm Thị Lộc Xuân	Zalo	Level 2		900	100%	81%	733			733
273	Nguyễn Kim Hoàn	Zalo	Level 2		900	100%	79%	713			713
274	Vũ Tuấn Dũng	Zalo	Level 2		900	100%	78%	706			706
275	Vũ Thị Hồng Anh	Zalo	Level 2		900	100%	78%	700			700
276	Quang Gia Tuấn	VNGG	Level 2		750	70%	133%	699			699
277	Nguyễn Đình Long	Zalo	Level 2		900	100%	77%	696			696
278	Nguyễn Văn Hạnh	Zalo	Level 2		900	100%	74%	667			667
279	Nguyễn Xuân Trường	Zalo	Level 2		900	100%	74%	667			667
280	Đặng Duy Hưng	ZPS	Level 2		600	100%	111%	666			666
281	Trần Ngọc Tín	VRC	Level 2		800	100%	42%	334			334
282	Nguyễn Quốc Hưng	Zalo	Level 2		900	100%	68%	610			610
283	Nguyễn Thị Ngọc Châu	ZPS	Level 2		600	100%	101%	607			607
284	Đặng Ngọc An Linh	ZPS	Level 2		600	100%	101%	607			607
285	Mai Lê Thông	Zalo	Level 2		900	100%	67%	607			607
286	Ngô Quốc Huy	VRC	Level 2		800	100%	38%	300			300
287	Dương Chí Trung	Zalo	Level 2		900	100%	67%	600			600
288	Trương Văn Trang	Zalo	Level 2		900	100%	67%	600			600
289	Nguyễn Quốc Anh	VRC	Level 2		800	100%	42%	333			333
290	Nguyễn Anh Huy	Zalo	Level 2		900	100%	66%	596			596
291	Nguyễn Thị Nga	CP	Level 2		550	100%	107%	591			591
292	Nguyễn Thắng	Zalo	Level 2		900	100%	65%	584			584
293	Trần Văn Hòa	Zalo	Level 2		900	100%	65%	583			583
294	Hồng Đỗ Nguyên Thảo	CP	Level 2		550	100%	106%	582			582
295	Nguyễn Tiến Tùng	Zalo	Level 2		900	100%	64%	577			577
296	Trần Trung Hiệp	Zalo	Level 2		900	100%	64%	576			576
297	Nguyễn Ngọc Diệp	Zalo	Level 2		900	100%	63%	567			567
298	Mai Hải Dương	GreenNode	Level 2		650	100%	87%	566			566
299	Phạm Thị Khánh Huyền	Zalo	Level 2		900	100%	63%	563			563
300	Lê Thị Lan	Zalo	Level 2		900	100%	63%	563			563
301	Lê Đình Đức	Zalo	Level 2		900	100%	61%	553			553
302	Bùi Văn Anh	ZPS	Level 2		600	100%	92%	550			550
303	Phạm Văn Bôn	PY	Level 2		850	100%	64%	546			546
304	Trần Hữu Nhựt Minh	VNGG	Level 2		750	70%	102%	533			533
305	Lê Minh Hùng	Zalo	Level 2		900	100%	59%	530			530
306	Phạm Quang Hải	Zalo	Level 2		900	100%	59%	530			530
307	Võ Hoàng Chiêu	VNGG	Level 2		750	70%	98%	517			517
308	Đặng Ngọc Trang Anh	VNGG	Level 2		750	70%	98%	517			517
309	Lê Thái Phúc Quang	PY	Level 2		850	100%	60%	514			514
310	Lê Minh Chánh	Zalo	Level 2		900	100%	56%	503			503
311	Bùi Việt Bách	ZPS	Level 2		600	100%	84%	501			501
312	Phạm Ngọc Linh	GreenNode	Level 2		650	100%	77%	500			500
313	Trịnh Mỹ Tiên	VNGG	Level 2		750	70%	95%	500			500
314	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	VNGG	Level 2		750	70%	95%	500			500
315	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	VNGG	Level 2		750	70%	95%	500			500
316	Ma Thị Bích Thủy	CP	Level 2		550	100%	90%	496			496
317	Bùi Thiên Kim	CP	Level 2		550	100%	90%	493			493
318	Khuất Thị Hảo	CP	Level 2		550	100%	90%	493			493
319	Ngô Duy Khánh Vy	Zalo	Level 2		900	100%	54%	483			483
320	Nguyễn Xuân Anh	VNGG	Level 2		750	70%	92%	483			483

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation Limit by Business Performance	Allocation by Index		Allocated Shares by Index	Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
						Allocation Index by level	Allocation index by individual balance				
321	Đặng Công Lập	CP	Level 2		550	100%	88%	482			482
322	Hồ Phạm Kim Ngân	CP	Level 2		550	100%	85%	467			467
323	Phạm Ngọc Hoàng Anh	VNGG	Level 2		750	70%	89%	466			466
324	Nguyễn Cẩm Diệu	PY	Level 2		850	100%	54%	463			463
325	Nguyễn Thị Diễm Phúc	INCT	Level 2		650	100%	71%	460			460
326	Lê Hoàng Sơn	Zalo	Level 2		900	100%	50%	450			450
327	Nguyễn Long Hải	VNGG	Level 2		750	70%	86%	450			450
328	Trần Văn Phương	Zalo	Level 2		900	100%	50%	450			450
329	Doãn Đức Anh	Zalo	Level 2		900	100%	50%	450			450
330	Phạm Hoàng Phúc	VNGG	Level 2		750	70%	86%	449			449
331	Phạm Ngọc Tám	ZPS	Level 2		600	100%	74%	445			445
332	Lê Minh Trung	ZPS	Level 2		600	100%	72%	434			434
333	Huỳnh Quang Thiện Vỹ	ZPS	Level 2		600	100%	72%	434			434
334	Hồ Văn Quý	Zalo	Level 2		900	100%	48%	434			434
335	Nguyễn Quý Hiệp	VNGG	Level 2		750	70%	82%	433			433
336	Văn Bá Thanh	VNGG	Level 2		750	70%	82%	433			433
337	Lê Đại Cảnh	VNGG	Level 2		750	70%	82%	433			433
338	Đoàn Hiếu Tâm	Zalo	Level 2		900	100%	48%	430			430
339	Bùi Nguyễn Lý	PY	Level 2		850	100%	50%	429			429
340	Nguyễn Hương Quỳnh	ZPS	Level 2		600	100%	71%	423			423
341	Huỳnh Vĩnh Trí	ZPS	Level 2		600	100%	71%	423			423
342	Đào Lê Vy	Zalo	Level 2		900	100%	47%	420			420
343	Nguyễn Trung Hưng	ZPS	Level 2		600	100%	70%	417			417
344	Nguyễn Phương Anh	CP	Level 2		550	100%	75%	410			410
345	Nguyễn Thị Kim Liên	CP	Level 2		550	100%	74%	408			408
346	Hồ Hoàng Kha	VNGG	Level 2		750	70%	76%	400			400
347	Võ Trọng Thư	GreenNode	Level 2		650	100%	62%	400			400
348	Lê Thiện Trí	Zalo	Level 2		900	100%	44%	400			400
349	Lê Thanh Toàn	VNGG	Level 2		750	70%	76%	400			400
350	Nguyễn Vũ Phương Nguyễn	VNGG	Level 2		750	70%	76%	400			400
351	Trần Vũ Anh Dũng	VNGG	Level 2		750	70%	76%	400			400
352	Tào Quang Vĩnh	TSE	Level 2		400	100%	100%	399			399
353	Phan Bạch Thu Thủy	TSE	Level 2		400	100%	100%	399			399
354	Võ Tấn Đạt	Zalo	Level 2		900	100%	43%	390			390
355	Hoàng Bảo Duyên	CP	Level 2		550	100%	70%	384			384
356	Nguyễn Hồ Hạnh B	VNGG	Level 2		750	70%	73%	383			383
357	Đoàn Nhật Quang	Zalo	Level 2		900	100%	43%	383			383
358	Phan Thanh Hiền	Zalo	Level 2		900	100%	42%	380			380
359	Đặng Trần Thái Sơn	PY	Level 2		850	100%	44%	374			374
360	Trần Văn Minh Xuyên	Zalo	Level 2		900	100%	41%	367			367
361	Phạm Phú Đông	ZPS	Level 2		600	100%	61%	367			367
362	Khúc Thị Quỳnh Trang	ZPS	Level 2		600	100%	61%	367			367
363	Nguyễn Thị Bình	CP	Level 2		550	100%	66%	364			364
364	Trần Hoàng Kha	Zalo	Level 2		900	100%	40%	360			360
365	Huỳnh Nguyễn Huy Sinh	ZPS	Level 2		600	100%	60%	357			357
366	Đặng Thị Kim Hiền	CP	Level 2		550	100%	64%	350			350
367	Trần Hữu Bách	CP	Level 2		550	100%	64%	350			350
368	Lê Quang Duy	ZPS	Level 2		600	100%	57%	341			341
369	Hồ Thị Kim Hoàng	PY	Level 2		850	100%	40%	340			340
370	Phan Anh Tuấn	VNGG	Level 2		750	70%	64%	334			334
371	Trần Thị Tuyết Loan	VNGG	Level 2		750	70%	63%	333			333
372	Lê Thanh Sơn	VNGG	Level 2		750	70%	63%	333			333
373	Lâm Phú Sĩ	VNGG	Level 2		750	70%	60%	316			316
374	Nguyễn Anh Tuấn	VNGG	Level 2		750	70%	57%	301			301
375	Nguyễn Hoàng Sơn	TSE	Level 2		400	100%	75%	300			300
376	Nguyễn Trần Thành	VNGG	Level 2		750	70%	57%	300			300
377	Nguyễn Văn Tú	VNGG	Level 2		750	70%	57%	300			300
378	Hà Đỗ Thắng	GreenNode	Level 2		650	100%	46%	300			300
379	Trần Thị Nha Trang	VNGG	Level 2		750	70%	57%	300			300
380	Lê Văn Thịnh	GreenNode	Level 2		650	100%	77%	499			499
381	Nguyễn Văn Trung	VNGG	Level 2		750	70%	89%	467			467
382	Phạm Quốc Trọng	ZPS	Level 2		600	100%	72%	434			434
383	Huỳnh Thế Năng	ZPS	Level 2		600	100%	71%	423			423
384	Lê Phạm Hoàng Quý	TSE	Level 2		400	100%	103%	410			410
385	Lê Đại Phú	VNGG	Level 2		750	70%	76%	400			400
386	Nguyễn Hùng Anh	VNGG	Level 2		750	70%	76%	400			400
387	Vũ Mạnh Hùng	ZPS	Level 2		600	100%	65%	390			390
388	Võ Thị Mỹ Doanh	TSE	Level 2		400	100%	92%	367			367
389	Tạ Hoàng Anh Tuấn	Zalo	Level 2		900	100%	41%	367			367
390	Nguyễn Thị Thu Trúc	TSE	Level 2		400	100%	92%	367			367
391	Phạm Hoàng Tuyền	VRC	Level 2		800	100%	86%	684			684
392	Nguyễn Quang Vĩnh	Zalo	Level 3		N/A	N/A	N/A		700		700
393	Nguyễn Bá Đạt	Zalo	Level 3		900	260%	98%	2,295			2,295
394	Nguyễn Minh Tuấn	VNGG	Level 2		750	70%	194%	1,020			1,020
395	Nguyễn Đức Sơn	INCT	Level 2		650	100%	140%	910			910
396	Hoàng Viêt Khoa	INCT	Level 2		650	100%	140%	910			910
397	Phan Thế Đăng	INCT	Level 2		650	100%	125%	810			810
398	Bùi Tuấn Kiệt	VNGG	Level 2		750	70%	99%	521			521
399	Nguyễn Minh Tuấn	ZPS	Level 3		600	260%	33%	517			517
400	Lê Nguyễn Thanh Long	Zalo	Level 2		900	100%	53%	481			481
401	Lê Trung Trực	INCT	Level 2		650	100%	68%	440			440

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation Limit by Business Performance	Allocation by Index		Allocated Shares by Index	Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
						Allocation Index by level	Allocation Index by individual balance				
402	Hồ Trương Hùng Minh	INCT	Level 2		650	100%	68%	440			440
403	Nguyễn Hữu Vinh	INCT	Level 2		650	100%	68%	440			440
404	Nguyễn Trọng Hiến	GreenNode	Level 2		650	100%	64%	418			418
405	Phạm Hoài Việt	VNGG	Level 4		N/A	N/A	N/A		450		450
406	Trần Duy Hiếu	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			343	343
407	Thái Tường An	VRC	Level 2		N/A	N/A	N/A			293	293
408	Nguyễn Đức Trung	VRC	Level 2		N/A	N/A	N/A			267	267
409	Dương Thị Minh Thảo	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			334	334
410	Đinh Anh Phương	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			334	334
411	Ngô Vi Khánh	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			333	333
412	Trương Vĩnh Lộc	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			333	333
413	Đỗ Thị Hoài	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			314	314
414	Nguyễn Huy Thông	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			300	300
415	Đỗ Thanh Tâm	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			300	300
416	Vũ Quang Hải	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			300	300
417	Bùi Lê Sơn Hải	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			300	300
418	Đặng Hoàng Duy	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			300	300
419	Huỳnh Trúc Ngân	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			300	300
420	Vũ Trường Sơn	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			300	300
421	Bùi Thành Nguyên	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			333	333
422	Nguyễn Khắc Thành	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			313	313
423	Phạm Vũ Huyền Trang	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			303	303
424	Phạm Công Bách	VRC	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
425	Đỗ Hải Lý	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			300	300
426	Lưu Thu Quân	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			300	300
427	Nguyễn Văn Cường	VRC	Level 2		N/A	N/A	N/A			201	201
428	Nguyễn Anh Quỳnh	VRC	Level 4		N/A	N/A	N/A			200	200
429	Diệp Bội Thanh	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			333	333
430	Nguyễn Khánh Duy	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			299	299
431	Lê Chính Trực	ZPS	Level 2		N/A	N/A	N/A			290	290
432	Nguyễn Đắc Thuận Nhân	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			289	289
433	Nguyễn Vy Khanh	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			283	283
434	Lê Hoàng Duy	Zalo	Level 1		N/A	N/A	N/A			283	283
435	Vòng Trung Sâm	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			280	280
436	Nguyễn Lâm Cúc Phương	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			280	280
437	Võ Xuân Vương	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			279	279
438	Nguyễn Thụy Quỳnh Châu	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			278	278
439	Hoàng Quỳnh Anh	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			270	270
440	Nguyễn Trung Anh	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			267	267
441	Nguyễn Lý Kiều Ngân	GreenNode	Level 2		N/A	N/A	N/A			267	267
442	Trương Lê Trúc Minh	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			267	267
443	Trần Quốc Hoàng	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			253	253
444	Nguyễn Tiến Dũng	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			250	250
445	Ngô Bình Phương Phi Vũ	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			250	250
446	Huỳnh Thị Xuân Hiền	TSE	Level 2		N/A	N/A	N/A			250	250
447	Trần Thị Huyền Sương	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			250	250
448	Võ Đình Long	Zalo	Level 1		N/A	N/A	N/A			250	250
449	Nguyễn Ngô Xuân Phương	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			250	250
450	Huỳnh Thanh Thanh	GreenNode	Level 2		N/A	N/A	N/A			233	233
451	Đinh Nguyễn Thủy An	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
452	Nguyễn Duy Khánh	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			233	233
453	Huỳnh Nhật Linh	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			232	232
454	Lương Nguyễn Huỳnh Nhã	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			230	230
455	Trần Ngọc Giáng Ni	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			227	227
456	Trần Hậu Long	CP	Level 2		N/A	N/A	N/A			225	225
457	Hoàng Thị Thủy Linh	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			223	223
458	Nguyễn Xuân Thy	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			221	221
459	Phan Thị Thạch Tuyền	Zalo	Level 1		N/A	N/A	N/A			210	210
460	Vũ Duy Quang	CP	Level 2		N/A	N/A	N/A			210	210
461	Lê Minh Huân	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			207	207
462	Nguyễn Thị Mai	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			207	207
463	Ninh Thị Thanh	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			207	207
464	Nguyễn Thị Văn Hiền	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			207	207
465	Võ Thị Lệ Trinh	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			207	207
466	Bùi Thị Thủy	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			201	201
467	Bùi Trọng Hưng	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			200	200
468	Nguyễn Thị Ngọc	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
469	Hồ Xuân Ái	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
470	Nguyễn Xuân Toàn	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			200	200
471	Hà Ngọc Tuấn	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			200	200
472	Nguyễn Chí Khang	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
473	Nguyễn Khắc Triều	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			200	200
474	Nguyễn Bá Quang	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
475	Lưu Hữu Phước	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
476	Đậu Hoàng Nam	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
477	Võ Trường Toàn	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
478	Lê Văn Thiện	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
479	Nguyễn Minh Hoàng	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
480	Phạm Đức Thắng	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
481	Nguyễn Hữu Kim	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
482	Nguyễn Thị Nhung	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation Limit by Business Performance	Allocation by Index		Allocated Shares by Index	Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
						Allocation Index by level	Allocation index by individual balance				
483	Trần Văn Tỷ	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
484	Phạm Văn Kiên	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
485	Vũ Minh Nhứt	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			200	200
486	Lê Hoàng Giảng	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			200	200
487	Phạm Thị Khánh Như	TSE	Level 2		N/A	N/A	N/A			199	199
488	Trương Ngọc Nghĩa	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			190	190
489	Lê Thu Trang	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			186	186
490	Võ Như Ý	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			184	184
491	Nguyễn Quang Duy	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			183	183
492	Hà Ngọc Ánh	CP	Level 2		N/A	N/A	N/A			180	180
493	Đỗ Thị Lan Phương	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			180	180
494	Hồ Thị Đoan Trang	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			175	175
495	Hồ Ngọc Tĩnh	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			124	124
496	Lê Quang Hiền	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			174	174
497	Nguyễn Thành Quân	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			173	173
498	Huỳnh Thị Thiện	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			170	170
499	Phạm Đình Thế	ZPS	Level 2		N/A	N/A	N/A			167	167
500	Nguyễn Ngọc Quý	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			167	167
501	Đặng Hạnh Nhi	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			167	167
502	Lương Văn Thành Công	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			167	167
503	Phạm Thị Thủy Trang	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			167	167
504	Trần Thị Minh Thư	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			150	150
505	Nguyễn Tài Lộc	VRC	Level 2		N/A	N/A	N/A			183	183
506	Hoàng Văn Đạt	VRC	Level 2		N/A	N/A	N/A			150	150
507	Trần Thị Như Hoa	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			150	150
508	Phan Tấn Phúc	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			150	150
509	Nguyễn Thị Phương Uyên	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			150	150
510	Phan Phú Quốc	VRC	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
511	Từ Quốc Huy	Zalo	Level 1		N/A	N/A	N/A			150	150
512	Nguyễn Đức Cường	VRC	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
513	Võ Thanh Huy	VRC	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
514	Nguyễn Quang Đại	TSE	Level 2		N/A	N/A	N/A			150	150
515	Cao Minh Mẫn	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			150	150
516	Vũ Hà Lan Hương	VRC	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
517	Nguyễn Lâm Đức	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			142	142
518	Nguyễn Thành Duy Phương	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			141	141
519	Thới Thực Phần	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			137	137
520	Hoàng Ân	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			134	134
521	Ngô Nguyễn Hồng Phúc	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			134	134
522	Bùi Thị Nhã Phương	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			133	133
523	Nguyễn Thị Thủy	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			57	57
524	Trần Thanh Tâm	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			133	133
525	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			133	133
526	Lê Thị Kim Huệ	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			133	133
527	Lê Hữu Đình	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			133	133
528	Tăng Thoại Văn	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			133	133
529	Nguyễn Tuấn Minh	Zalo	Level 1		N/A	N/A	N/A			133	133
530	Trương Khánh Duy	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			133	133
531	Đặng Minh Trọng	DC	Level 1		N/A	N/A	N/A			133	133
532	Hồ Thực Hảo	GreenNode	Level 2		N/A	N/A	N/A			133	133
533	Nguyễn Anh Luân	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			133	133
534	Lê Văn Khải	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			127	127
535	Vũ Ngọc Mai Khanh	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			125	125
536	Lê Thị Hồng Vi	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			122	122
537	Phạm Trọng Long	ZPS	Level 2		N/A	N/A	N/A			117	117
538	Nguyễn Minh Tiến	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			116	116
539	Lê Thị Lương Yên	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			114	114
540	Lê Hoàng Đạo	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			111	111
541	Nguyễn Thị Tố Tâm	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			109	109
542	Nguyễn Thị Hà	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			107	107
543	Bùi Tuấn Hải	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			107	107
544	Nguyễn Duy Vĩnh	ZPS	Level 2		N/A	N/A	N/A			107	107
545	Vũ Khánh Sang	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			107	107
546	Nguyễn Minh Huyền	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			102	102
547	Quang Tôn Hạo	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
548	Phạm Hoàng Đức	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
549	Trần Thế Sơn	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
550	Trần Minh Quang	GreenNode	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
551	Cao Thăng Tiến	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
552	Nguyễn Hoàng Huy	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
553	Đoàn Minh Uẩn	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
554	Nguyễn Thị Hoàng Phương	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
555	Lê Trung Hiếu	GreenNode	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
556	La Minh Tâm	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
557	Nguyễn Hữu Trí	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
558	Đặng Trung Quân	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
559	Nguyễn Vũ	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
560	Đào Trung Dũng	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
561	Nguyễn Thị Hằng	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
562	Tsai Trung Chuen	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
563	Phạm Thị Thủy Trang	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation Limit by Business Performance	Allocation by Index		Allocated Shares by Index	Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
						Allocation Index by level	Allocation index by individual balance				
564	Trần Văn Hiền	ZPS	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
565	Nguyễn Thị Thanh Xuân	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
566	Đỗ Xuân Thắng	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
567	Trần Trọng Phúc	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			100	100
568	Lê Thị Minh Thư	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
569	Bùi Thị Trang	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
570	Phùng Đức Lâm	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
571	Phạm Thành Phúc	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
572	Trịnh Văn Dũng	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
573	Hoa Hường Dương	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
574	Hồ Thị Diệu Oanh	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
575	Hồ Minh Trí	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
576	Nguyễn Hà Phú	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
577	Nguyễn Xuân Thành	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			100	100
578	Nguyễn Xuân Trường	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			96	96
579	Nguyễn Đức Viễn	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			96	96
580	Nguyễn Đức Quyền	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			95	95
581	Trương Vũ Hoàng Anh	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			93	93
582	Trương Văn Lịch	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			90	90
583	Nguyễn Thị Kim Thoa	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			89	89
584	Nguyễn Xuân Hoàng	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			87	87
585	Nguyễn Toàn Thắng	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			83	83
586	Huỳnh Thị Kim Hiếu	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			81	81
587	Võ Trọng Khiêm	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			80	80
588	Lư Hồng Thẩm	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			80	80
589	Nguyễn Thành Sang	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			80	80
590	Nguyễn Thanh Phong	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			80	80
591	Lê Thị Xuyến	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			77	77
592	Lương Thái Bảo	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			76	76
593	Đoàn Thị Minh Trang	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			73	73
594	Nguyễn Thị Bích Ngọc	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			73	73
595	Nguyễn Thị Thu Trang	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			73	73
596	Dương Quốc Trung	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			73	73
597	Ngô Vương Đức Trí	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			73	73
598	Nguyễn Thanh An	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			68	68
599	Nguyễn Minh Căn	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			68	68
600	Tạ Hữu Thọ	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			68	68
601	Huỳnh Ánh Phương	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
602	Phan Trọng Nhân	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
603	Lục Hoàng Hiếu	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
604	Phạm Bảo	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			67	67
605	Lê Đình Bình	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			67	67
606	Trương Đình Hoàng	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
607	Lê Quang Vũ	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
608	Hồ Nguyễn Hải Tuấn	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
609	Lê Nguyệt Minh	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			67	67
610	Nguyễn Thiện Phúc	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
611	Nguyễn Thị Như Ý	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
612	Nguyễn Thu Phương	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			67	67
613	Lê Ngọc Tân	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
614	Lê Minh Đức	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
615	Lê Tấn Phát	VNGG	Level 2		N/A	N/A	N/A			66	66
616	Trần Thị Diệu Hiền	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			64	64
617	Trương Thị Nguyệt	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			63	63
618	Nguyễn Nhật Cương	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			60	60
619	Phan Nguyễn Cẩm Tú	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			60	60
620	Trần Ái Nghi	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			60	60
621	Nguyễn Ngọc Thành	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			60	60
622	Nguyễn Trọng Tuấn Anh	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			60	60
623	Tống Duy Tân	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			60	60
624	Nguyễn Thanh Trí	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			53	53
625	Du Chí Nhuet	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			53	53
626	Phan Thị Hồng Thẩm	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			53	53
627	Trần Bảo Thi	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			53	53
628	Nguyễn Hoài Nam	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
629	Cao Văn Nghĩa Em	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
630	Nguyễn Thị Trường An	TSE	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
631	Trần Thùy Nhi Hà	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			33	33
632	Lâm Tiến Khải	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			45	45
633	Trần Thị Thu Nga	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			45	45
634	Nguyễn Diệu Thủy	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			45	45
635	Nguyễn Thị Thu Trang	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			40	40
636	Nguyễn Ngọc Văn Trinh	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			35	35
637	Đổng Kim Ngân	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			31	31
638	Nguyễn Thị Hà	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			30	30
639	Nguyễn Ngọc Hân	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			26	26
640	Trương Thị Kim Dung	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			23	23
641	Nguyễn Việt Anh	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			23	23
642	Lê Phụng Linh	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			23	23
643	Trần Quang Long	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			17	17
644	Mai Thanh Tùng	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			110	110

ANNEX 2- LIST OF ELIGIBLE EMPLOYEES FOR SHARE ISSUANCE UNDER THE 2026 ESOP

No.	Name	Business Unit	Level	Allocation to Leadership	Allocation Limit by Business Performance	Allocation by Index			Allocation by project	Allocation by events promoting company culture	The number of allocated shares (after rounding)
						Allocation Index by level	Allocation index by individual balance	Allocated Shares by Index			
645	Nguyễn Đăng Đại Hiệp	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			67	67
646	Vũ Chí Tùng	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			186	186
647	Trần Văn Triết	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			167	167
648	Trương Tuyết Nhung	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			165	165
649	Ngô Thái Anh	ZPS	Level 1		N/A	N/A	N/A			120	120
650	Trương Quốc Dũng	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			117	117
651	Vũ Tiến Khang	ZPS	Level 2		N/A	N/A	N/A			116	116
652	Trịnh Thị Phương	Zalo	Level 2		N/A	N/A	N/A			110	110
653	Châu Hoàng Phúc	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			102	102
654	Nguyễn Chí Trung	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			58	58
655	Vũ Đình Thủy Dương	VNGG	Level 1		N/A	N/A	N/A			50	50
656	Trần Hiệp	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			38	38
657	Võ Tá Công	GreenNode	Level 1		N/A	N/A	N/A			33	33
658	Trần Thị Nguyệt	CP	Level 1		N/A	N/A	N/A			33	33
659	Bùi Duy Long	PY	Level 1		N/A	N/A	N/A			33	33
660	Phan Hoàng Hải	PY	Level 2		N/A	N/A	N/A			183	183
				210,477				424,120	38,250	37,123	709,970